Phẩm 10 (Kinh số 107 - 115)

Kinh Trung A-Hàm (Viện CĐPH Hải Đức - VNC PHVN, 2022)

107. KINH LÂM (A) Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ9 trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. , , Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở: "Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm liền được chánh niệm, tâm chưa định tĩnh liền được định tĩnh, nếu chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn. Những thứ người học đạo cần như thức ăn, áo mặc, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách dễ dàng, không khó khăn.,, Roi vị Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này đe ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở5 nếu không có chánh niệm vẫn không được chánh niệm, tâm chưa được định tĩnh vẫn khônẹ được định tĩnh, nếu chưa giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa hét vẫn khônệ đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng vẫn không chứng đắc Niết-bàn. Những thứ người học đạo cần như thức ăn, áo mặc, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách dễ dàng, không khó khăn. Vị Tỳ-kheo ấy nên quán như vây: "Ta xuất gia, học đạo không phải vì áo chăn, không phải vì ăn uông, giường chõng, thuốc thang, cũng không phải vì các vật dụng cho đời sống. Nhưng ta nương vào khu rừng này đe ở5 hoặc không có chánh niệm vẫn không được chánh niệm, tâm chưa định tĩnh vẫn không được đinh tĩnh, nếu chưa giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa hết vẫn không đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng vẫn không chứng đắc Niết-bàn. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách dễ dàng, không khó khn." Vi Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi thì phải từ bỏ khu rừng này để đi nơi khác.
Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở, nghĩ rằng: “Ta nương vào khu rừng này để ở9 hoặc không có chánh niệm liền được chánh niệm, tâm chưa được định tĩnh liền được định tĩnh, nếu chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hét liên được đoạn hét, chưa chứng đăc Niêt-bàn an ôn vô thượng liên chứng đắc Niết-bàn. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sông, tất cả đều được tìm câu một cách dễ dàng, không khó khăn.,,

606 < KINH TRƯNG A-HÀM

Rồi vị Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở9 hoặc không có chánh niệm liền được chánh niệm, tâm chưa đinh tĩnh liền được định tinh, nếu chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hét liên được đoạn hét, chưa chứng đăc Niêt-bàn an ôn vô thượng liên chứng đác Niết-bàn. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõnệ, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tát cả đêu được tìm cầu một cách rát khó khăn. Vị Tỳ-kheo ấy nên quán như vầy: "Ta xuất gia học đạo không phải vì áo chăn, không phải vì ăn uống, giường chõng, thuốc thang, cũng không phải vì vật dụng cho đời sống. Nhưng ta nương vào khu rừng này để ở5 hoặc không có chánh niệm thì liền được chánh niệm, tâm chưa đinh tĩnh liền được định tĩnh, nếu chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết,

chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng liền chứng đắc Niết-bàn. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách rất khó khăn.,, Vi Tỳ-kheo đã quán như vậy rồi, phải ở lại khu rừng này. Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở, nghĩ rằng: “Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm liền được chánh niệm, tâm chưa được định tĩnh liền được định tĩnh, nếu chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hét liên được đoạn hét, chưa chứng đăc Niêt-bàn an ôn vô thượng liên chứng đắc Niết-bàn. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, ệiường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm câu một cách dễ dàng, không khó khăn.,^ Roi vị Tỳ-kheo ây nương vào khu rừng này đê ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm vẫn không được chánh niệm, tâm chưa định tĩnh vẫn không được định tĩnh, nếu chưa giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa hết vẫn khônệ đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng vẫn không chứng đắc Niết-bàn. Những thứ người học đạo càn như áo chăn, ăn uống, giường chõnệ, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách rát khó khăn. Vi Tỳ-kheo ấy nên quán như vầy: "Ta nương vào khu rừng này để ở? hoặc không có chánh niệm vẫn không được chánh niệm, tâm chưa được định tĩnh vẫn không được định tĩnh, nếu chưa giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa hết vẫn không đoạn hết, chưa chứng đác Niêt-bàn an ôn vô thượng vân không chứng đác Niêt-bàn. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, ăn uốnẹ, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cau một cách rất khó khăn.,, Vi Tỳ- kheo ấy đã quán như vậy rồi, phải lập tức từ bỏ khu rừng này ngay trong đêm mà đi, chớ nói lời cáo biệt. Tỳ-kheo nương vào một khu rừng đê &, nghĩ răng: “Ta nương vào khu rừng này để ở5 hoặc không có chánh niệm liền được chánh niệm, tâm chưa định tĩnh liền được đinh tĩnh, nếu chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liên được đoạn hét, chưa chứng đác Niêt-bàn an ôn vô thượng liên chứng đác

107. KINH LÂM (A) 607

Niêt-bàn. Những thứ người học đạo cân như áo chăn, ăn uông, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách dễ dàng, không khó khăn.” Rồi vi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng này đê ở, hoặc không có chánh niệm liên được chánh niệm, tâm chưa định tĩnh liền được đinh tĩnh, nếu chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hét liên được đoạn hét, chưa chứng đác Niêt-bàn an ôn vô thượng liên chứng đác Niêt-bàn. Những thứ người học đạo cân như áo chăn, ăn uông, giường chõng, thuôc thang, các vật dụng cho đời sông, tát cả đêu được tìm câu một cách dễ dàng, không khó khăn. Vị Ty.kheo ấy nên quán như vầy: "Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm liền được chánh niệm, tâm chưa định tĩnh liền được định tinh, nếu chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa dứt liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng liên chứng đăc Niêt-bàn. Những thứ người học đạo cân như áo chăn, ăn uông, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách dễ dàng, không khó khăn.59 Vị Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi, phải nương vào khu rừng này đê ở trọn đời cho đên lúc mạng chung. Cũng như các trường hợp nương

vào khu rừng để ở; cũng vậy, giữa bãi tha ma, giữa thôn ấp hay sống với người khác. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hanh.

108. KINH LÂM (B) Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Tỳ-kheo nương vào khu rừng này đê ở? và nghĩ răng: “Ta nương vào khu rừng này để ở, vì lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt cứu cánh của Sa-môn9 cứu cánh này được thành đạt đối với ta. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, ăn giường chống, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cau một cách dễ dàng không khó khăn/9 Rồi vi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở với lý tưởnẹ xuất gia học đạo là muốn thành đạt cứu cánh của Sa-môn, nhưng cứu cánh ây không được thành đạt đôi với vi ây. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, ăn uốnẹ, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm câu một cách dễ dàng, không khó khăn. Vi Tỳ-kheo ấy nên quán như vầy: "Ta xuất gia học đạo không phải vì áo chăn, không phải vì ăn uông, giường chõng, thuôc thang, cũng không phải vì các vật dụng cho đời sống. Nhưng ta nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt cứu cánh của Sa-môn, cứu cánh này không được thành đạt đối với ta. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách dễ dàng, không khó khăn.,, Vị Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi thì phải từ bỏ khu rừng này để đi nơi khác. Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở9 và nghĩ rằng: "Ta nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt cứu cánh của Sa-môn9 cứu cánh ấy được thành đạt đối với ta. Những thứ người học đạo càn như áo chăn, ăn giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cau một cách dễ dàng, không khó khan?9 Roi vị Tỳ-kheo ây nương vào khu rừng này đê ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt cứu cánh của Sa- môn9 và cứu cánh ây được thành đạt đối với vi ây. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, ăn trông, giường chõng, thuôc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cau một cách rất khó khăn. Vị Tỳ-kheo ấy nên quán như thế này: "Ta xuất gia học đạo không phải vì áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, cũng không phải vì các vật dụng cho đời song. Nhưng ta nương vào khu

rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt cứu cánh của Sa-môn? cứu cánh ấy được thành đạt đối với ta. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, ăn uốnẹ? giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cau một cách rất khó khan?5 Vị Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi, phải ở lại khu rừng này. Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở, và nghĩ rằng: “Ta nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là thành đạt cứu cánh của Sa-môn, cứu cánh ấy được thành đạt đối với ta. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, ăn uông, giường chõng, thuôc thang, các vật dụng cho đời sông, tát cả đêu được tìm cầu một cách dễ

dàng, không khó khăn/5 Rồi vi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở với lý tưởnệ xuất gia học đạo là muốn thành đạt cứu cánh của Sa-môn9 nhung cứu cánh ây không thành đạt đối với vị ấy. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách khó khăn. Vị Tỳ-kheo ấy nên quán như thế này: "Ta nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt cứu cánh của Sa-môn9 cứu cánh ấy không thành đạt đối với ta. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, ăn u6ng, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sông, tát cả đêu được tìm câu một cách khó khan?9 Vi Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi phải lập tức từ bỏ khu rừng này ngay giữa đêm mà đi, không cần cáo biệt. Tỳ-kheo nương vào một khu rừng đê ở, và nghĩ răng: “Ta nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt cứu cánh của Sa-môn, cứu cánh ấy được thành đạt đối với ta. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, ăn u6ng, giường chống, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cau một cách dễ dàng, không khó khan." Roi vi Tỳ-kheo ây nương vào khu rừng này đê ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt cứu cánh của Sa- môn, cứu cánh ấy được thành đạt đối với vi ấy. Những thứ người học đạo càn như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời s6ng, tất cả đều được tìm cầu một cách dễ dàng, không khó khăn. Vi Tỳ-kheo íy nên quán như thế nầy: “Ta nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt cứu cánh của Sa-môn, cứu cánh ấy được thành đạt đối với ta. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách dễ dàng, không khó khăn.,, Vi Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi, phải nương vào khu rừng này để ở trọn đời cho đến lúc mạng chung. Cũng như các trường hợp nương vào khu rừng để ở; cũng vậy, giữa bãi tha ma, thôn ấp hay sống với người khác. Đức Phật thuyêt như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

109. KINH Tự QUÁN TÂM (A) Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. . Bay giờ, đức The Ton bao các Tỳ-kheo: Nếu có Tỳ-kheo không thể quán tâm người khác, hãy tư khéo quán sát tâm mình. Nên học như vầy: Thế nào là Tỳ-kheo khéo tự quán tâm? Tỳ-kheo nếu có quán này chắc chắn được nhiều lợi ích: 'Thải chăng ta được nội tâm tĩnh chỉ, chưa được tối thượng tuệ để quán pháp? Phải chăng ta được tối thượng tuệ để quán pháp, chưa được nội tâm tĩnh chỉ? Phải chăng ta chưa được nội tâm tĩnh chỉ, cũng chưa được tối thượng tuệ quán pháp? Phải chăng ta được nội tâm tĩnh chỉ, cũng được tối thượng tuệ quán pháp?” Nấu Tỳ-kheo sau khi quán liền biết rằng: "Ta được nội tâm tĩnh chỉ, chưa được tối thượng tuệ quán ph" Vi Tỳ-kheo ấy được nội tâm tĩnh chỉ rồi, hãy nên mong cầu tối thượng tuệ quán pháp; vị ấy, sau đó được nội tâm tĩnh chỉ, cũng được tối thượng tuệ quán pháp. Nêu Tỳ-kheo sau khi quán liên biêt răng: "Ta được tôi thượng tuệ quán pháp, chưa được nội tâm tĩnh chi." Vi Tỳ-kheo ấy trụ nơi tối thượng tuệ quán pháp rồi, hãy nên mong cầu nội tâm tĩnh chỉ; vị ấy, sau đó được tối thượng tuệ quán pháp và cũng được nội tâm tĩnh chỉ. Nêu Tỳ-kheo sau khi quán liên biêt răng: "Ta chưa được nội tâm tĩnh chỉ, cũng chưa được tối thượng tuệ quán pháp.” Như vậy, Tỳ-kheo chưa được pháp

thiện này; vì muốn được nên phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kham nhân, đừng đê bi thôi chuyên. Ví như người bị lửa đót cháy đâu, đót cháy áo, phải nhanh chóng tìm câu phương tiện cứu đầu, cứu áo. Cũng vậy, Tỳ-kheo chưa được pháp thiện này, vì muốn được nên phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cần, chánh niệm, chánh trí, đừng để bi thối chuyển; vị ấy, sau đó liền được nội tâm tĩnh chỉ và cũng được tối thượng tuệ quán pháp. Nếu Tỳ-kheo sau khi quán tâm liền biết rằng: "Ta được nội tâm tĩnh chí, cũng được tối thượng tuệ quán pháp.” Vị Tỳ-kheo ấy trú nơi pháp thiện này rồi, hãy nên mong cầu tự thân chứng ngộ Lậu tận trí thông. Vì sao vậy? Ta nói không được cất chứa tất cả y áo, nhimg cũng nói được phép cất chứa tất cả y áo. Loại y áo nào mà Ta nói không được cất chứa? Nếu cất chứa y áo mà tăng

trưởng pháp ác, bất thiện, suy thoái pháp thiện thì loại y áo như vậy, Ta nói không được cất chứa. Loại y áo nào Ta nói được phép cất chứa? Nếu cất chứa y áo mà tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác, bất thiện thì loại y áo như vậy, Ta nói được phép cất chứa. Cũng như y áo, về ăn uống, giường chõng, thôn ấp cũng giống như vậy. Ta nói không được quen thân tất cả mọi người, nhimg cũng nói được phép quen thân tất cả mọi người. Loại người nào Ta nói không được quen thân? Nếu quen thân người mà tăng trưởng pháp ác, bất thiện, suy thoái pháp thiện thì người như vậy, Ta nói không được quen thân. Loại người nào Ta nói được phép quen thân? Nếu quen thân người mà tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác, bất thiện thì người như vậy? Ta nói được phép quen thân. Vị ấy biết đúng như thật pháp nên tập hành, cũng biết đúng như thật pháp không nên tập hành. Vị ấy biết đúng như thật pháp nên tập hành, pháp không nên tập hành rồi5 với pháp không nên tập hành thì không tập hành, với pháp nên tập hành liền tập hành. Vị ấy không tập hành pháp không nên tập hành, tập hành pháp nên tập hành rồi, liền tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác, bất thiện. Như vậy gọi là Tỳ-kheo khéo tự quán tâm, khéo tự biết tâm, khéo thủ hộ9 khéo xả ly. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

110. KINH Tự QUÁN TÂM (B) Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nếu có Tỳ-kheo không thể khéo quán tâm người khác, hãy tự khéo quán sát tâm mình. Nên học như vầy: Thế nào gọi là Tỳ-kheo khéo tự quán tâm? Tỳ- kheo nếu có quán này chắc chan được nhiều lợi ích: “Ta thường hành tham lam hay thường hành không tham lam? Ta thường hành tâm sân nhuế hay thường hành tâm không sân nhuê? Ta thường hành thụy miên triên hay thường hành không thụy miên triền? Ta thường hành trạo hối, cống cao hay thường hành không trạo hối, cống cao? Ta thường hành nghi hoặc hay thường hành không nghi hoặc? Ta thường hành thân tránh hay thường hành không thân tránh? Ta thường hành tâm ô uế hay thường hành tâm không ô uế? Ta thường hành tín hay thường hành bất tín? Ta thường hành tinh tấn hay thường hành giải đãi? Ta thường hành suy niệm hay thường hành không suy niệm? Ta thường hành tâm định hay thường hành tâm không định? Ta thường hành ác tuệ hay thường hành

không ác hue?" Nếu Tỳ-kheo khi quán, liền biết: "Ta thường hành tham lam, tâm sân nhuế, thụy miên triên? trạo hôi, công cao, nghi hoặc, thân tránh, tâm ô uê, bát tín, giải đãi, không suy niệm, không tâm đinh, thường hành ác hue." Nếu vi Tỳ-kheo ấy muôn diệt trừ pháp ác, bát thiện này thì phải nhanh chóng tìm câu phương tiện, học tập tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kham nhẫn, đừng để bi thối chuyển. Ví như bị lửa đốt cháy đầu, cháy áo, nhanh chóng tìm cầu phương tiện cứu đầu, cứu áo; cũng vậy, Tỳ-kheo muôn diệt trừ pháp ác, bát thiện này thì phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kham nhẫn, đừng để bị thối chuyển. Nếu Tỳ-kheo khi quán, liền biết: "Ta thường hành không tham lam, tâm không sân nhuế, không thụy miên triền, không trạo hối, cống cao, không nghi hoặc, không thân tránh, tâm không ô uê5 có tín, tinh tân, suy niệm, định, thường hành không ác huệ.^, Nếu vị Tỳ-kheo ấy tru nơi pháp thiện này rồi, hãy nên mong cầu tự thân chứng ngộ Lậu tận trí thông. Vì sao vậy? Ta nói không được cat chứa tát cả y áo nhưng cũng nói được cát chứa tát cả y áo. Loại y áo nào Ta nói không được cất chứa? Nếu cất chứa y áo mà tâm tăng trưởng pháp ác, bất

thiện, suy thoái pháp thiện; y áo như vậy, Ta nói không được cất chứa. Loại y áo nào Ta nói được cát chứa? Nêu cát chứa y áo mà tăng trưởng pháp thiện, suy thoái ác pháp, bất thiện; y áo như vậy, Ta nói được cất chứa. Cũng như y áo, về ăn uông, giường chõng, thôn áp cũng giông như vậy. Ta nói không được quen thân tất cả mọi người nhưng cũng nói được quen thân tất cả mọi người. Người thế nào mà Ta nói không được quen thân? Nếu quen thân người mà tăng trưởng ác pháp, bất thiện, suy thoái pháp thiện; người như vậy, Ta nói không được quen thân. Người thế nào mà Ta nói được quen thân? Nếu quen thân người mà tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác, bất thiện; người như vậy, Ta nói được quen thân. Vị ấy biết đúng như thật pháp nên tập hành, cũng biết đúng như thật pháp không nên tập hành. Vi ấy biết đúng như thật pháp nên tập hành, pháp không nên tập hành rồi, pháp không nên tập hành thì không tập hành, pháp nên tập hành liền tập hành. Vị ấy không tập hành pháp không nên tập hành, tập hành pháp nên tập hành rồi liền tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác, bất thiện. Như vậy gọi là Tỳ-kheo khéo tự quán tâm, khéo tự biết tâm, khéo thủ hộ, khéo xả ly. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

111. KINH ĐẠT PHẠM HẠNH Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu, trong đô ấp Kiếm-ma-sắt-đàm- câu-lâu. Bây giơ, đức Thê Ton noi với các Tỳ-kheo: Ta sẽ thuyết pháp cho các thầy nghe, vi diệu ở khởi dầu, vi diệu ở khoảng giữa và vi diệu ở đoạn cuối, có văn, có nghĩa, cụ túc, thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh. Đó là đạt Phạm hạnh, có thể diệt tận các lậu. Các thày hãy lắng nghe, hãy khéo suy niệm! Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời Thế Tôn dạy và lắng nghe. Đức Thế Tôn dạy: - Các thầy hãy biết lậu, biết nhân sanh ra lậu, biết sự hữu báo của lậu, biết sự thắng liệt của lậu, biết sự diệt tận của lậu, biết lậu diệt đạo. Các thầy hãy biết thọ, biết nhân sanh ra thọ, biết sự hữu báo của thọ, biết sự thắng liệt của thọ, biết sự diệt tận của thọ, biết thọ

diệt đạo. Các thầy hãy biết tưởng, biết nhân sanh ra tưởng, biết sự hữu báo của tưởng, biết sự thắng liệt của tưởng, biết sự diệt tận của tưởng, biết tưởng diệt dạo. Các thầy hãy biết dục, biết nhân sanh ra dục, biết hữu báo của dục, biết sự thắng liệt của dục. biết sự diệt tận của dục, biết dục diệt đạo. Các thày hãy biết nghiệp, biết nhân sanh ra nghiệp, biết hữu báo của nghiệp, biết thắng liệt của nghiệp, biết sự diệt tận của nghiệp, biết nghiệp diệt đạo. Các thầy hãy biết khổ, biết nhân sanh ra khổ, biết sự hữu báo của khổ, biết sự thắng liệt của khổ, biết sự diệt tận của khổ, biết khổ diệt đạo. Thế nào là biết lậu? Là biết có ba lậu: Dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu; đó là biết lậu. Thế nào là biết nhân sanh ra lậu? Là biết từ vô minh, nhân vô minh do đó có lậu; đó là biết nhân sanh ra lậu. Thế nào là biết hữu báo của lậu? Là biết bi vô minh trói buộc, bị các lậu rỉ tham, do nhân duyên đó lãnh thọ quả báo hoặc đến chỗ lành hay đến chỗ ác; đó là biết hữu báo của lậu. Thế nào là biết sự thắng liệt của lậu? Là biết có lậu khiến sanh vào địa ngục, có lậu khiến sanh vào súc sanh, có lậu khiến sanh vào nga ạuỷ, có lậu khiến sanh vào cõi trời hoặc có lậu sanh vào cõi người; đó là biết thắng liệt của lậu. Thế nào là biết sự diệt tận của lậu? Là biết vô minh diệt thì lậu liền diệt; đó là biết sự diệt tận của lậu. Thế nào la biết lậu diệt đạo? Là biết tấm chi Thánh dạo, từ chánh kiến đến chánh định;

đó là biết lậu diệt đạo. Nếu Tỳ-kheo biết lậu, biết nhân sanh ra lậu, biết hữu báo của lậu, biết sự thắng liệt của lậu, biết sự diệt tận của lậu, biết lậu diệt đạo như vậy; đó gọi là đạt Phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả lậu. Thế nào là biết thọ? Là biết có ba cảm thọ: Cảm thọ lạc, cảm thọ khổ và cảm thọ không khổ không lạc; đó là biết thọ. Thế nào là biết nhân sanh ra thọ? Là biết từ xúc, do xúc nên có thọ; đó là biết nhân sanh ra ứio. Thế nào là biết hữu báo của thọ? Là biết ái, ái là hữu báo của thọ; đó là biết hữu báo của thọ. Thế nào là biết sự thắng liệt của thọ? Là Tỳ-kheo khi thọ nhận cảm thọ lạc liền biết đang thọ nhận cảm thọ lạc, khi thọ nhận cảm thọ khổ liền biết đang thọ nhận cảm thọ khổ, khi thọ nhận cảm thọ không khổ không lạc liền biết đang thọ nhận 2 l < * v : cảm thọ không khô không lạc; khi thân thọ nhận cảm thọ lạc, thân thọ nhận cảm thọ khô, thân thọ nhận cảm thọ không khô không lạc; khi tâm thọ nhận cảm thọ lạc, tâm thọ nhận cảm thọ khổ, tâm thọ nhận cảm thọ không khổ không lạc; cảm thọ lạc khi ăn, cảm thọ kho khi ăn, cảm thọ không kho không lạc khi ăn; cảm thọ lạc khi không ăn, cảm thọ khổ khi không ăn, cảm thọ không khổ không lạc khi không ăn; cảm thọ lạc khi có dục, cảm thọ kho khi có dục, cảm thọ không khổ không lạc khi có dục; cảm thọ lạc khi không có dục, cảm thọ khổ khi không có dục, cảm thọ không khổ không lạc khi không có dục... thì biết có cảm thọ không khổ không lạc khi không có dục; đó là biết sự thắng liệt của thọ. Thế nào là biết sự diệt tận của thọ? Là biết xúc diệt thì thọ liền diệt; đó là biết sự diệt tận của thọ. Thế nào là biết thọ diệt đạo? Là biết tám chi Thánh đạo, là chánh kiến đến chánh định; đó là biết thọ diệt đạo. Nếu Tỳ-kheo biết thọ, biết nhân sanh ra thọ, biết hữu báo của thọ, biết sự thắng liệt của thọ, biết sự diệt tận của thọ, biết thọ diệt đạo như vậy; đó gọi là đạt Phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả thọ. Thế nào là biết tưởng? Là biết có bốn tưởng: Tỳ-kheo khi tưởng nhỏ cũng biêt, tưởng lớn cũng biêt, tưởng vô lượng cũng biêt, tưởng Vô sở hữu xứ cũng biết; đó là biết tưởng. Thế nào là biết nhân sanh ra tưởng? Là biết từ xúc, do xúc nên có tưởng; đó là biết nhân sanh ra

tưởng. Thế nào là biết hữu báo của tưởng? Là biết tuyên thuyết, tùy tưởng đó mà tuyên thuyết; đó là biết hữu báo của tưởng. Thê nào là biêt sự thăng liệt của tưởng? Là biêt có tưởng tưởng vê sắc, có tưởng tưởng về tiếng, có tưởng tưởng về hương, có tưởng tưởng về vị, hoặc có tưởng tưởng vê xúc; đó là biêt sự thăng liệt của tưởng. Thê nào là biêt sự diệt tận của tưởng? La biết xúc diệt thì tưởng liền diệt; đó là biết sự diệt tận của tưởng. Thế nào là biết tưởng diệt đạo? Là biết tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định; đó là biết tưởng diệt đạo. Nếu Tỳ-kheo biết tưởng, biết nhân sanh ra tưởng, biết hữu báo của tưởng, biết sự thắng liệt của tưởng, biết sự diệt tận của tưởng, biết tưởng diệt đạo như vậy; đó gọi là đạt Phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả tưởng. Thế nào là biết dục? Là biết dục có năm đặc tính là khả ái, khả hỷ, mỹ sắc, tương ưng với dục, rất khả lạc. Những gì là năm? Là sắc được biết bởi mắt,

thanh được biết bởi tai, hương được biết bởi mũi, vị được biết bởi lưỡi, xúc được biết bởi thân, pháp được biết bởi ý. Thế nào là biết nhân sanh ra dục? Là biêt từ xúc, do xúc nên có dục; đó là biêt nhân sanh ra dục. Thê nào là biêt hữu báo của dục? Là tùy theo chủng loại dục mà sanh ái lạc, đắm trước rồi trụ vào đó, do nhân duyên đó lãnh thọ quả báo, đên chô có phước, đên chô vô phước hay chỗ bất động; đó là biết hữu báo của dục. Thế nào là biết sự thắng liệt của dục? Là biết có dục tham dục sắc, có dục tham dục tiếng, có dục tham dục hương, có dục tham dục vị, hoặc có dục tham dục xúc chạm; đó là sự thắng liệt của dục. Thế nào là biết sự diệt tận của dục? Là biết xúc diệt thì dục liền diệt; đó là biết sự diệt tận của dục. Thế nào là biết dục diệt đạo? Là biết tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến đến chánh định, đó là biết dục diệt đạo. Nấu Ty-kheo biết dục, biết nhân sanh ra dục, biết hữu báo của dục, biết sự thắng liệt của dục, biết sự diệt tận của dục, biết dục diệt đạo là như vậy; đó gọi là đạt Phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả dục. Thế nào là biết nghiệp? Là biết có hai nghiệp: Tư nghiệp và tư dĩ nghiệp; đó là biết nghiệp. Thế nào là biết nhân sanh ra nghiệp? Là biết từ xúc, do xúc nên . " 9 r 9 r •r CÓ nghiệp; đó là biêt nhân sanh ra nghiệp. Thê nào là biêt hữu báo của nghiệp? Là biêt nghiệp đen có quả báo đen, nghiệp trăng có quả báo trăng, nghiệp đen trắng có quả báo đen trắng, hoặc nghiệp không đen không trắng thì không có quả báo và nghiệp tận; đó là hữu báo của nghiệp. Thế nào là biết sự thắng liệt của nghiệp? Là biêt có nghiệp khiên sanh vào địa ngục, có nghiệp khiên sanh vào súc sanh, có nghiệp khiến sanh vào nga quỷ, có nghiệp khiến sanh vào cõi trời, có nghiệp khiến sanh vào cõi người; đó là biết sự thắng liệt của nghiệp. Thế nào là biết sự diệt tận của nghiệp? Là biết xúc diệt thì nghiệp liền diệt; đó là biết sự diệt tận của nghiệp. Thế nào là biết nghiệp diệt đạo? Là biết tám chi Thánh dạo, từ chánh kiến đến chánh đinh; đó là biết nghiệp diệt đạo. Nếu Tỳ- kheo biết nghiệp, biết nhân sanh ra nghiệp, biết hữu báo của nghiệp, biết sự thắng liệt của nghiệp, biết sự diệt tận của nghiệp, biết nghiệp diệt đạo như vậy; đó gọi là đạt Phạm hạnh, có thê diệt tận tát cả nghiệp. Thế nào là biết khổ? Là biết khổ của sanh, già, bệnh, chết, khổ của oán tang hội, khổ của ái biệt ly, khổ của cầu bất đắc, nói tóm lại năm thủ uẩn là khổ; đó là biết khổ. Thế nào là biết nhân sanh ra khổ? Là biết từ ái5 do ái sanh khổ; đó là biết nhân sanh ra khổ. Thế nào là biết hữu báo của khổ? Là biết có khổ diệt hơi chậm hoặc có khổ diệt hơi nhanh, hoặc có khổ diệt rất

chậm, hoặc có khổ diệt rất nhanh; đó là biết hữu báo của khổ. Thế nào là biết sự thắng liệt của khổ? Là biêt phàm phu ngu si, không đa văn, không gặp thiện tri thức, không điêu ngự Thánh pháp nên khi nhân sanh cảm thọ rất kho, khổ cùng cực, mạng sống muốn tuyệt, phải tìm người cứu chữa ở bên ngoài. Hoặc có Sa-môn5 Phạm chí thọ trì loại chú một câu, loại chú hai, ba, bốn hay nhiều câu, hoặc thọ trì loại chú một trăm câu thân chú, "vi ây tri dứt sự khô cho ta." Như vậy là nhân mong câu mà

sanh khổ, nhân tập mà sanh khổ; đó là biết sự thắng liệt của khổ. Thế nào là biết sự diệt tận của khổ? Là biết ái diệt thì khổ liền diệt; đó là biết sự diệt tận của khổ. Thế nào là biết khổ diệt đạo? Là biết tám chi Thanh đạo, từ chánh kiến đến chánh định; đó là biết khổ diệt đạo. Nếu Tỳ-kheo biết khổ, biết nhân sanh ra khổ, biết hữu báo của khổ, biết sự thắng liệt của khổ, biết sự diệt tận của khổ, biết khổ diệt đạo như vậy; đó gọi là đạt Phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả khổ. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

112. KINH A-NÔ-BA Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại Bạt-kỳ-sấu, ở đô ấp A-nô-ba Bạt-kỳ. Bấy giờ, vào lúc xế trưa, đức Thế Tôn từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, bước ra khỏi tịnh thất và nói: Này A-nan, Ta và thầy hãy đi đến sông A-di-la-hòa-đế để tắm. Tôn giả A-nan nói: -Kính vâng. Khi ấy, đức Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan đi đến sông A-di-la-hòa-đế, cởi bỏ y phục trên bờ sông roi xuông nước tăm; tăm xong, lên bờ lau mình và mặc y phục vào. Bấy giờ, Tôn giả A-nan cầm quạt hầu Phật. Khi ấy, đức Thế Tôn quay lại và dạy: Này A-nan, Đề-bà-đạt-đa vì phóng dật nên bị đọa lạc rất cực khổ, chắc f r y r • r 9 chăn đên chô ác, sanh vào địa ngục, ở đây trọn một kiêp, không thê cứu vớt. A-nan, thầy có nghe các Tỳ-kheo nói lại rằng Ta đã ghi nhận nhất quyết rằng Đề-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy frọn kiếp, không thể cứu vớt chăng? Tôn giả A-nan thưa: Quả vậy. Lúc bấy giờ, có một vị Tỳ-kheo hỏi con rằng: “Này Tôn giả A-nan, phải chăng đức Thế Tôn dùng tha tâm trí biết rõ tâm Đề-bà-đạt-đa nên Ngài ghi nhận nhát quyêt răng Đê-bà~đạt-đa chác chăn đên chô ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt?,, Đức Thế Tôn dạy: Này A-nan, Tỳ-kheo ây hoặc còn nhỏ, trung niên hay đã lớn tuôi, kẻ niên thiếu không hiểu biết. Vì sao vậy? Vì Như Lai đã ghi nhận nhất quyết, nhưng thầy ấy vẫn còn nghi hoặc. A-nan, Ta không thấy có những Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí hay bát cứ ai khác ở trên đời này từ người đên trời như Ta, ghi nhận nhất quyết về Đề-bà-đạt-đa. Vì sao vậy? Này A-nan, Ta ghi nhận nhất quyết rằng Đề-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt. A-nan, nếu Ta thấy Đề-bà-đạt-đa có được chút pháp bạch tịnh bằng một sợi lông, Ta đã không ghi nhận nhất quyết rằng Đề-bà-đạt- đa chác chăn đên chô ác, sanh vào địa ngục, ở đây trọn kiêp, không thê cứu vớt. A-nan, vì Ta không thấy Đề-bà-đạt-đa có được chút pháp bạch tịnh bằng một

sợi lông nên Ta ghi nhận nhát quyêt răng Đê-bà-đạt-đa chác chăn đên chô ác, sanh vào địa ngục, ở đây trọn kiêp, không thê cứu vớt. Này A-nan? ví như cách thôn nọ không

xa, có một hầm phẩn sâu rộng, có người bị lọt vào dấy, chìm xuống tận đáy. Có người đi đến trông thấy, phát khởi lòng đại từ, đại bi, mong muốn cho được sự lợi ích và phước lành, được an ổn, khoái lạc. Người ấy nhìn quanh rồi nói: "Người này có chỗ nào dù chỉ bằng một sợi lông, cọng tóc mà không bị dính phẩn để ta có thể nắm kéo lên chống?" Người ấy nhìn khắp thân thể nhưng không thấy có chỗ nào bằng một sợi lông, một cọng tóc mà không bị dính phẩn để có thể dùng tay nắm kéo lên được. Cũng vậy, này A-nan, nếu Ta thấy Đề-bà-đạt-đa có một chút pháp bạch tịnh bằng sợi lông thì Ta đã không ghi nhận nhất quyết rằng Đề-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt. A-nan, VÌ Ta không thây Đê-bà-đạt-đa có được chút pháp bạch tinh băng một sợi lông nên Ta ghi nhận nhát quyêt răng Đê-bà-đạt-đa chác chăn đên chô ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt. Khi ấy, Tôn giả A-nan khóc lóc, lấy tay gạt lệ, rồi thưa: Kính bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Thật là hy hữu! Thế Tôn đã ghi nhận nhát quyêt răng Đê-bà-đạt-đa chác chăn đên chô ác, sanh vào địa ngục, ở đây trọn kiếp, không thể cứu vớt. Đức Thế Tôn dạy: -Đúng vậy, A-nan. Đúng vậy, A-nan. Ta ghi nhận nhất quyết rằng Đề-bà- đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt. NàyA-nan, nếu thầy được nghe từ Như Lai phân biệt Đại nhân căn trí, chắc chắn sẽ có tín tâm tối thượng nơi Như Lai mà luôn luôn hoan hỷ. Khi ấy, Tôn giả A-nan chắp tay hướng về Phật và bạch: -Bạch đức Thế Tôn, nay quả là đúng lúc! Bạch đức Thiện Thệ, nay quả là đúng lúc! Ngưỡng mong Thế Tôn thuyết giảng cho các Tỳ-kheo nghe về phân biệt Đại nhân căn trí. Các Tỳ-kheo được Thế Tôn thuyết giảng cho nghe sẽ khéo thọ trì. Đức Thế Tôn dạy: Này A-nan, hãy lắng nghe, hãy khéo tư niệm, nay Ta sẽ thuyết giảng cho thầy nghe về phân biệt Đại nhân căn trí. Tôn giả A-nan vâng lời Thế Tôn dạy và lắng nghe. Đức Thế Tôn dạy: -Này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện nhưng thiện căn còn sót lại chưa đoạn tuyệt. Từ thiện căn đó lại sẽ phát sanh pháp thiện. Như

vậy, người này sẽ đạt được pháp thanh tịnh. Này A-nan, ví như sáng sớm, mặt trời vừa xuất hiện, bóng tối diệt, ánh sáng sanh. Này A-nan, ý thầy thế nào? Mặt trời lên dần cho đến giờ ăn trưa, phải chăng bóng tối đã diệt, ánh sáng đã sanh? Tôn giả A-nan thưa: -Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện nhưng thiện căn còn sót lại chưa đoạn tuyệt. Từ thiện căn đó sẽ lại phát sanh pháp thiện. Như vậy, người này sẽ đạt được pháp thanh tịnh. Này Anan, ví như hạt lúa giông không hư, không vỡ, không mục, không nứt, không bị gió, năng làm thương tổn, vào mùa thu được cất giấu cẩn thận. Nếu người cư sĩ giỏi sửa sang khoảnh ruộng tót roi vãi hạt vào và mưa xuông phải thời, thì này A-nan, ý thầy thế nào? Hạt giống ấy có dần dần lớn lên được chăng? Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, có thể vậy! -Cũng vậy, này A-nan,

Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai dùng tha tâm trí lại quán sát tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện nhưng thiện căn còn sót lại chưa đoạn tuyệt. Từ thiện căn đó thiện pháp sẽ lại phát sanh. Như vậy, người này sẽ đạt được pháp thanh tịnh. Này A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai đã hiểu biết chân chánh về gốc rễ của các pháp như vậy. Lại nữa, này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bát thiện. Sau đó, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện nhimg thiện căn còn sót lại chưa đoạn tuyệt, chắc chắn rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người này đi đến pháp suy thoái. Này A-nan, ví như từ lúc xế trưa cho đến khi mặt trời lặn, ánh sáng diệt, bóng tối sanh. Này A-nan, ý thầy thế nào? Sau khi mặt trời lặn, phải chăng ánh sáng đã diệt, bóng tối đã sanh? Tôn giả A-nan thưa: - Bạch Thế Tôn? đúng vậy! -Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện

nhưng thiện căn còn sót lại chưa đoạn tuyệt, chắc chắn rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người này đi đến pháp suy thoái. Này A-nan, ví như hạt lúa giống không hư, không vỡ? không mục, không nứt, không bị gió, nắng làm thương tổn, vào mùa thu được cát giâu cân thận. Nêu người cư sĩ kia giỏi sửa sang ruộng tót roi vãi hạt giống vào, nhưng mưa xuống không phải thời, thì này A-nan, ý thầy thế nào? Hạt giống này có dần dần lớn lên được chăng? Tôn giả A-nan thưa: - Bạch Thế Tôn, không thể được! Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai lại dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện nhưng thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt, chắc chắn rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người này đi đến pháp suy thoái. Này A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chân chánh về gốc rễ của các pháp như vậy. Lại nữa, này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, Ta không thấy người này có được chút pháp bạch tịnh dù chỉ bằng sợi lông. Người này một mực chỉ có pháp ác, bất thiện, ô uế, làm gốc rễ cho sự hữu trong tương lai, nguyên nhân của phiền nhiệt, khổ báo, sanh, già, bệnh, chết. Như vậy, người này khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Này A-nan, ví như hạt giống hư, vỡ5 mục nát, bị gió nắng làm thương tổn, vào mùa thu không được cat giâu cân thận. Nêu người cư sĩ ây không phải là nông phu giỏi, lại không khéo canh tác, gieo hạt giống xuống và mưa không phải thời, thì này A-nan, ý thây thê nào? Hạt giông lúa có dân dân lớn lên được chăng? Tôn giả A-nan thưa: - Bạch Thế Tôn, thưa không! Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, Ta không thấy người này có được chút pháp bạch tịnh dù bang một sợi lông. Người này có pháp ác, bất thiện hoàn

toàn đầy dẫy, ô uế, làm gốc rễ cho sự hữu trong tương lai, là nguyên nhân của phiền nhiệt, khổ báo, sanh, già, bệnh, chết. Như vậy, người này khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Này A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chân chánh về gốc rễ của các pháp như vậy. Khi ây, Tôn giả A-nan chăp tay hướng Phật và bạch: Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã thuyết giảng về ba hạng người như vậy. Như Lai có thể giảng thuyết về ba hạng người khác nữa được chăng? Đức Thế Tôn dạy: Ta có thể nói. Này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp bất thiện, cũng thành tựu pháp thiện. Sau

đó, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người này đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện nhưng bất thiện căn còn sót lại chưa đoạn tuyệt. Từ bất thiện căn này sẽ lại phát sanh pháp bất thiện. Như vậy, người này đi đến pháp suy thoái. Này A-nan, ví như đốt lửa, khi mới đốt chỉ có một ngọn, có người đẩy cỏ khô thêm roi chát củi khô lên. Này A-nan, ý thây thê nào? Ngọn lửa kia càng bóc cháy mạnh lên chăng? Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, quả thật như vậy! Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp bất thiện, cũng thành tựu pháp thiện. Sau đó, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người này đã được diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện nhưng bất thiện căn còn sót lại chưa đoạn tuyệt. Từ bất thiện căn đó sẽ lại phát sanh pháp bát thiện. Như vậy, người này đi đên pháp suy thoái. Này A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chân chánh về gốc rễ của các pháp như vậy. Lại nữa, này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp bất thiện, cũng thành tựu pháp thiện. Sau đó, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người này đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện nhimg bát thiện căn còn sót lại chưa đoạn tuyệt, chác chăn roi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người này đạt đến pháp thanh tịnh. A-nan, ví như đốt lửa, khi mới đốt chỉ có một ngọn, có người đem cây lửa đang cháy sáng này để trên đất bằng, hoặc để trên đá. Này A-nan, ý thây thê nào? Ngọn lửa càng bóc cháy mạnh lên chăng? Tôn giả A-nan thưa: - Bạch Thế Tôn, không thể vậy! Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp bất thiện, cũng thành tựu pháp thiện. Sau đó, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biêt người này diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người này đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện nhưng bất thiện căn còn sót lại chưa đoạn tuyệt, chắc chắn rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy là người này đạt được pháp thanh tịnh. Này A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiêu biêt chân chánh vê góc rê của các pháp như vậy. Lại nữa, này A-nan? Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, Ta không thây người này có chút hăc nghiệp dù băng một sợi lông. Người này tuyệt đoi chỉ có pháp thiện hoàn toàn, cùng với lạc, được lạc báo, chắc chắn sanh vào lạc xứ và được trường thọ. Như vậy, người này ngay trong đời này

9 r chác chăn chứng đác Niêt-bàn. Này A-nan, ví như tro lửa tát từ lâu, đã nguội lạnh, có người thêm đầy cỏ kho, rồi chất củi khô lên. Này A-nan, ý thầy thế nào? Tro nguội lạnh đó có thể bốc cháy lại được chăng? Tôn giả A-nan thưa: - Bạch Thế Tôn, không thể được! Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, Ta không thấy người này có chút hắc nghiệp nào dù bằng một sợi lông. Người này tuyệt đối chỉ có pháp thiện hoàn toàn, cùng với lạc, được lạc báo, chắc chắn sanh vào lạc xứ và được trường thọ. Như vậy, người này ngay trong đời này chắc chắn chứng đắc Niết-bàn. Này A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chân chánh về gốc rễ của các pháp như vậy. A-nan? ba hạng người nói trên kia, hạng thứ nhất đạt được pháp thanh tịnh; hạng thứ hai đạt được pháp suy thoái; hạng thứ ba khi thân hoại mạng chung chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Ba hạng người Ta nói sau đó, hạng thứ nhất đạt được pháp suy thoái; hạng thứ hai đạt được pháp thanh tịnh; hạng thứ ba ngay trong đời này chứng đắc Niết-bàn. Này A-nan, Ta đã giảng thuyết cho thầy nghe về Đại nhân căn trí. Như đấng Tôn sư thương yêu đệ tử, phát khởi lòng đại từ, đại bi, mong muốn cho được sự lợi ích và phước lành, được an ổn, khoái lạc; điêu đó Ta đã thực hiện. Các thây cũng phải tự mình thực hiện, hãy đên rừng văng, sơn lâm, dưới góc cây hoặc một chô nào yên tĩnh mà thiên tịnh, tư duy, chớ nên phóng dật. Hãy chuyên cần tinh tấn, đừng để về sau phải hối hận. Đó là lời giáo huấn của Ta, đó là lời khuyên bảo của Ta! Đức Phật thuyêt như vậy, Tôn giả A-nan sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

113. KINH CHƯ PHÁP BỔN

Tôi nghe như vây:

Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ5 trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Nếu có dị đạo đến hỏi các thầy: “Tất cả các pháp lấy gì làm g6c?”

Các thày nên trả lời với họ như thế này:

“Tất cả các pháp lấy dục làm g6c.”

Nếu họ lại hỏi:

“Lấy gì làm hòa hiệp?"

Nên đáp như vầy:

"Lấy xúc làm hòa hiep."

Nếu họ lại hỏi:

“Lấy gì làm dẫn kh&i?”

Nên đáp như vầy:

“Lấy thọ làm dẫn khởi."

Nếu họ lại hỏi:

“Lấy gì làm hữu?”

Nên đáp như vầy:

“Lấy tư tưởng làm hữu."
Nếu họ lại hỏi:
“Lấy gì làm thượng chủ?,^
Nên đáp như vây:
“Lấy niệm làm thượng chủ.„
Nếu họ lại hỏi:
"Lấy gì làm tiền dạo?"
Nên đáp như vầy:
“Lấy định làm tiền dạo.”
Nếu họ lại hỏi:
"Lấy gì làm tối thượng?„
626 KINH TRƯNG A-HÀM

Nên đáp như vầy: “Lấy tuệ làm tối thượng.„ Nếu họ lại hỏi: “Lấy gì làm chắc that?" Nên đáp như vây: "Lấy giải thoát làm chắc that." Nếu họ lại hỏi: “Lấy gì làm cứu cánh?“ Nên đáp như vầy: “ Lấy Niết-bàn làm cứu cánh." Này các Tỳ-kheo, dục là gốc của các pháp, xúc là hòa hiệp của các pháp, thọ là dẫn khởi của các pháp, tư tưởng là hữu của các pháp, niệm là thượng chủ của các pháp, định là tiền đạo của các pháp, tuệ là tối thượng của các pháp, giải thoát là chác thật của các pháp và Niêt-bàn là cứu cánh của các pháp. Tỳ-kheo hãy nên học tập như vậy. Xuất gia học đạo, tâm nên tập suy tưởng về sự vô thường, tập suy tưởng về vô thường nên khổ, tập suy tưởng về khổ nên vô ngã, tập suy tưởng về sự bất tịnh, tập suy tưởng về thực phẩm xấu xa, tập suy tưởng tất cả thế gian không có gì hoan lạc, tập suy tưởng về sự chết để biết thế gian tốt xấu. Tập tâm tưởng như vậy, để biết sự hữu tập thế gian; tập tâm tưởng như vậy để biết đúng như thật về sự tập khởi, diệt tận, vị ngọt, tai họa và sự xuất yếu của thế gian. Tu tập tâm tưởng như vậy roi, nêu Tỳ-kheo thành tựu tập tâm xuất gia học đạo, thành tựu tập suy tưởng vê sự vô thường, thành tựu tập suy tưởng vê vô thường nên khô, thành tựu tập suy tưởng vê khô nên vô ngã, thành tựu tập suy tưởng vê sự bất tịnh, thành tựu tập suy tưởng thực phẩm xấu xa, thành tựu tập suy tưởng tất cả thế gian không có gì hoan lạc, thành tựu tập suy tưởng về sự chết để biết thế gian tốt xấu. Thành tựu tập tâm tưởng như vậy, nên biết sự hữu tập của thế gian; thành tựu tập tâm tưởng như vậy, nên biêt đúng như thật vê sự tập khởi, diệt tận, vị ngọt, tai họa và sự xuất yếu của thế gian. Thành tựu tập tâm tưởng . • __ e r e r như vậy, nên được gọi là Tỳ-kheo đoạn ái, trừ kiêt sử. Đã biêt đúng, quán đúng các pháp rồi, liền đạt được sự dứt tận khổ. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

114. KINH ƯU-ĐÃ-LA Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ưu-đà-la-la-ma-tử ở trong hội chúng thường nói như vầy: "Ta ở trong sanh loại này, quán sát nó, cảm thọ nó mà không biêt cội góc của ung nhọt, sau đó mới biết hoàn toàn cội gốc của ung nhQt." Ưu-đà-la-la-ma-tử không biết tất cả mà tự xưng là biêt tát cả, thật không có cảm thọ mà tư xưng là có cảm thọ. Ưu-đà-la-la-ma-tử thây như vây, nói như vây: "Nêu có tư tưởng thì đó là bệnh, là ung nhọt, là gai; còn như không có tư

tưởng thì đó là kẻ ngu si. Nếu có cảm thọ nào thì đó là tĩnh chỉ, là tối diệu, tức là cho đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ." Ông ấy sau khi ái lạc tự thân, chấp thủ tự thân, đắm trước tự thân, liền tu tập cho đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi trời Phi hữu tưởng phi vô tưởng. Sau khi chấm dứt tuổi thọ ở đó? ông ấy lại đến nhân gian, sanh vào loài chồn. ở đây, Tỳ-kheo nói chân chánh có thể nói như vầy: "Ta ở trong sanh loại này, quán sát nó, cảm thọ nó mà không biết cội gốc của ung nhọt, sau đó mới biêt hoàn toàn cội góc của ung nhọt?5 Thế nào là Tỳ-kheo quán sát chân chánh? Là Tỳ-kheo biết sáu xúc xứ, biết sự tập khởi, biết sự đoạn diệt, biết vị ngọt, biết tai họa và biết sự xuất yếu của chúng, dùng tuệ mà biêt một cách như thật. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán sát chân chánh. Thế nào là Tỳ-kheo biết cảm thọ? Là Tỳ-kheo biết ba cảm thọ, biết sự tập khởi, biết sự đoạn diệt, biết vi ngọt, biết tai họa và biết sự xuất yếu của chúng, dùng tuệ mà biết một cách như thật. Như vậy gọi là Tỳ-kheo biết cảm thọ. Thê nào là Tỳ-kheo không biêt cội góc của ung nhọt, sau đó mới biêt hoàn toàn cội gốc của ung nhọt? Là Tỳ-kheo biết hữu ái đã diệt, đã nhổ sạch gốc rễ của Ĩ16, khiên không thê sanh lại. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không biêt cội góc của ung nhọt, sau đó mới biết hoàn toàn cội gốc của ung nhọt. Ung nhọt chính là thân này, là sắc thân bốn đại thô phù do cha mẹ sanh ra, được lớn lên nhờ ăn uống, được bao bọc bởi y phục, được chăm sóc bằng tắm rửa, là pháp vô thường, là pháp hủy hoại, là pháp tan rã. Như vậy gọi là ung

nhọt. Cội góc của ung nhọt là ba ải: Dục ái, sác ái và vô sác ái. Như vậy gọi là cội gốc của ung nhọt. Ưng nhọt là tất cả lậu hoặc, nghĩa là sáu xúc xứ: Mắt lậu thấy sắc, tai lậu nghe tiếng, mũi lậu ngửi mùi, lưỡi lậu nếm vị, thân lậu cảm xúc, ý lậu biết các pháp. Như vậy gọi ung nhọt là tất cả lậu hoặc. Này các Tỳ-kheo, Ta đã thuyết giảng cho các thầy nghe về ung nhọt và cội góc của ung nhọt. Như đang Tôn sư thương yêu đệ tử, phát khởi lòng đại từ, đại bi, mong cho được sự lợi ích và phước lành, được an ổn, khoái lạc; điều đó v * e r • r Ta đã thực hiện. Các thây cũng phải tự mình thực hiện. Hãy đên nơi rừng văng, sơn lâm, dưới gốc cây hoặc một chỗ nào yên tĩnh mà thiền tọa tư duy, chớ nên phóng dật. Hãy chuyên cần tinh tấn, đừng để về sau phải hối hận. Đó là lời giáo huấn của Ta, đó là lời khuyên bảo của Ta! Đức Phật thuyêt như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

115. KINH MẬT HOÀN DỤ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa Thích-kỳ-sấu, ở tại Ca-duy-la-vệ. Bấy giờ, sau khi đêm tối đã qua, vào buổi sáng sớm, đức Thế Tôn đắp y, ôm bát vào Ca-duy-la-vệ khất thực. Sau khi ăn xong, Ngài cất y bát, rửa tay chân, lấy ni-sư-đàn vắt lên vai, đến tinh xá của họ Thích-ca trong rừng trúc, rồi Ngài đi đên dưới một góc cây trong rừng Đại Lâm, trải ni-sư-đàn và ngôi kiêt-già. Khi ây, Châp Trượng Thích chông gậy mà đi, sau bữa cơm trưa, ung dung tìm đến chỗ Phật, cùng nhau chào hỏi, chống gậy đứng trước đức Phật, rồi hỏi đức The Ton: Sa-môn Cíi-dàm, Ngài lấy gì làm tông chỉ và thuyết giảng những pháp gì? Đức Thế Tôn đáp: Này người họ Thích, nếu tất cả chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người đến trời trên thế gian này đều không đấu tranh, tu tập ly dục, Phạm hạnh thanh tịnh, lìa bỏ dua nịnh quanh co,

dứt trừ frạo hối, không đắm trước hữu và phi hữu, cũng không có tưởng; đó là tông chỉ của Ta. Pháp Ta thuyết giảng cũng như vậy. Khi ấy, Chấp Trượng Thích nghe đức Phật Ĩ16Ì, không cho là phải, không cho là trái. Chấp Trượng Thích lắc đầu rồi bỏ đi. Bấy giờ, sau khi Chấp Trượng Thích bỏ đi không lâu, vào lúc xế trưa, đức Thê Tôn từ chô thiên tọa đứng dậy đi vào giảng đường, đên trước hội chúng Tỳ-kheo trải tọa cụ và ngồi xuống, rồi nói với các Tỳ-kheo: Hôm nay, vào buổi sáng sớm, Ta đắp y, ôm bát vào Ca-duy-la-vệ khất # r Ị. A f thực. Sau khi ăn xong, Ta cat y bát, rửa tay chân, lây ni-sư-đàn văt lên vai, đên tinh xá của họ Thích-ca trong rừng trúc, rồi Ta đi vào Đại Lâm ấy, đến dưới một gốc cây, trải ni-sư-đàn rồi ngồi kiết-già. Khi ấy, có Chấp Trượng Thích chống gậy mà đi, sau bữa cơm trưa ung dung tìm đến chỗ Ta, cùng nhau chào hỏi, chống gậy đứng trước mặt Ta rồi hỏi Ta rằng: "Sa-môn Cù-đàm? Ngài lấy gì làm tông chỉ và thuyết giảng những pháp gi?" Ta đáp: "Này người họ Thích, nếu tất cả Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn9 Phạm chí, từ . r z r , người đên trời trên thê gian này đêu không đâu tranh, tu tập ly dục, Phạm hạnh

630 KINH TRƯNG A-HÀM

thanh tinh, lìa bỏ dua nịnh quanh co, dứt trừ trạo hối, không đắm trước hữu và phi hữu, cũng không có tưởng; đó là tông chỉ của Ta. Pháp Ta thuyêt giảng cũng như vậy.,, Khi ấy, Chấp Trượng Thích nghe Ta nói rồi, không cho là phải, cũng không cho là trói. Chấp Trượng Thích lắc đầu rồi bỏ đi. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngoi đứng dậy, trịch áo bày vai, chắp tay hướng Phật và bạch: Bạch Thế Tôn? sao gọi là tất cả Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người đên trời trên thê gian này đêu không đâu tranh? Sao gọi là tu tập ly dục, được Phạm hạnh thanh tinh? Sao gọi là lìa bỏ dua nịnh quanh co, dứt trừ trạo hối, không đắm trước hữu và phi hữu, cũng không có tưởng? Đức Thế Tôn dạy: Tỳ-kheo, nếu người do suy niệm mà xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, đối trước pháp hiện tại, quá khứ và vi lai không ái, không lạc, không đắm trước, không trụ; đó gọi là dứt tận sự khổ. Dục SÍT, nhuế sử, hữu sử, mạn sử, vô minh sử, kiến sử, nghi sử, đấu tranh, tang tập, siểm ninh, lừa bịp, nói dối, nói hai lưỡi và vô lượng pháp ác, bất thiện khác đêu dứt tận; đó gọi là dứt tận sự khổ. Đức Phật nói như vậy rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa. Khi ấy, có Tỳ-kheo nói rằng: Này chư Hiền, nên biết, đức Thế Tôn nói nghĩa này một cách vắn tắt, không phân biệt rộng rãi? rồi từ chỗ n^ồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa: uTỳ- kheo, nếu người do suy niệm mà xuất gia học dạo, tu tập tư tưởng, đối trước pháp hiện tại, quá khứ và vị lai không ái, không lạc, không đắm trước, không trụ; đó gọi là dứt tận sự khổ. Dục sử, nhuế sử, hữu sử, mạn sử? vô minh sử, kiến sử, đâu tranh, tăng tật, siêm nịnh, lừa bịp, nói dôi, nói hai lưỡi và vô lượng pháp ác, bất thiện khác đều dứt tận; đó gọi là dứt tận sự khổ?5 Họ lại nói rằng: Này chư Hiền, ai có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn vừa nói vắn tắt ấy? Rồi họ lại suy nghi: "Chí có Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được đức Thế Tôn và các vi Phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn vừa nói vắn tắt ấy. Này chư Hiền, hãy cùng nhau đi đến chỗ Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, yêu cầu Tôn giả nói nghĩa này. Nếu được Tôn giả Đại Ca-chiên-diên phân biệt cho thì chúng ta sẽ khéo nhận lãnh rồi ghi nh&." Rồi các Tỳ-kheo đi đến chỗ của Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, cùng nhau chào hỏi rồi ngồi

một bên và thưa: Thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, nên biết, đức Thế Tôn nói nghĩa này một cách vắn tắt, không phân biệt rộng rãi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh

thất tĩnh tọa: "Tỳ-kheo, nếu người do suy niệm mà xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, đoi với pháp hiện tại, quá khứ và vi lai không ái, không lạc, không đam trước, kh6ng trụ; đó gọi là dứt tận sự khổ. Dục sử, nhuế sử, hữu sử, mạn sử, vô minh SÍT, kiên sử, đấu tranh, tang tật, siểm nịnh, lừa bịp9 nói dối, nói hai lưỡi và VÔ lượng pháp ác, bát thiện khác đêu dứt tận; đó gọi là tận cùng sự kh6.” Chúng tôi liền suy nghĩ rằng: "Này chư Hiền, ai có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn vừa nói vắn lắt?" Rồi chúng tôi lại suy nghĩ: "Chí có Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được đức The Tôn và các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn nói vắn tắt ấy." Ngưỡng mong Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thương xót và giảng rộng cho! Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên bảo: Này chư Hiên, hãy nghe tôi nói ví dụ, người có trí tuệ nghe ví dụ sẽ hiên rõ nghĩa lý. Này chư Hiên, ví như có người tìm lõi cây, vì muôn tìm lõi cây nên người ây câm búa vào rừng. Người ây thây cây đại thọ có rê, thân, cành, nhánh, lá, hoa và quả. Người ây không đụng đên rê, thân, cành, lõi mà chỉ đụng đên nhánh và lá. Những điều chư Hiền nói cũng giống như vậy. Đức Thế Tôn đang ở đây mà chư Hiền lại bỏ Ngài đến tôi để hỏi nghĩa này. Vì sao vậy? Này chư Hiền, nên biết đức Thế Tôn là bậc Có Mắt, là bậc Có Trí; Ngai là plì bậc Pháp Chủ, là Pháp Tướng, là bậc nói nghĩa chơn dế, hiển hiện tất cả nghĩa. Do đó, chư Hiền, nên đi đến chỗ đức Thế Tôn mà hỏi nghĩa này rằng: "Bạch Thế Tôn, điều này là thế nào, điều này có nghĩa gi?" Nếu như đức Thế Tôn có nói gì thì chư Hiền hãy khéo léo nhận lãnh và ghi nhớ. Bây giờ, các Tỳ-kheo thưa: Đúng vậy, thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, đức Thế Tôn là bậc Có Mắt, là bậc Có Trí; Ngài là pháp, là bậc Pháp Chủ, là bậc Pháp Tướng, là bậc nói nghĩa chơn dế, hiển hiện tất cả nghĩa. Do đó, chúng tôi nên đi đến chỗ đức Thế Tôn để hỏi nghĩa này] "Bạch Thế Tôn, điều này là thế nào, điều này có nghĩa gi?" Nếu như đức Thế Tôn có nói gi, chúng tôi khéo léo nhận lãnh rồi ghi nhớ. Nhưng thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên9 ngài thường được đức Thế Tôn và các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn vừa nói vắn tắt ấy. Ngưỡng mong Tôn giả Đại Ca- chiên-diên thương xót mà giảng rộng cho! Tôn giả Đại Ca-chiên-diên lại bảo các Tỳ-kheo: -Vậy này chư Hiền, xin hãy nghe tôi nói! A r Này chư Hiên, duyên nhãn và săc mà sanh nhãn thức. Ba thứ này cùng tụ hội liền có xúc. Do duyên xúc nên có cảm thọ. Có cảm thọ thì có tưởng. Có tưởng thì có tư duy. Có tư duy thì có niệm. Có niệm thì có phân biệt.

Tỳ-kheo do suy niệm như vậy nên xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, đối trước pháp hiện tại, quá khứ và vi lai không ái, không lạc, không đắm trước, không trụ; đó gọi là dứt tận sự khô. Dục sử, nhuê sử, hữu sử, mạn sử, vô minh sử, kiến sử, đấu tranh, tang tật, siểm ninh, lừa bịp, nói dối, nói hai lưỡi và vô lượng pháp ác, bất thiện khác đều dứt tận; đó gọi là dứt tận sự khổ. Với tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy. Duyên ý và pháp phát sanh ý thức. Ba thứ này cùng sự tụ hội liên có xúc. Do duyên xúc nên có cảm thọ. Có

cảm thọ thì có tưởng. Có tưởng thì có tư duy. Có tư duy thì có suy niệm. Có suy niệm thì có phân biệt. Tỳ-kheo do suy niệm như vậy nên xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, đối trước pháp hiện tại, quá khứ và vi lai không ái, không lạc, không đắm trước, không trụ; đó gọi là dứt tận sự khô. Dục sử, nhuê sử, hữu sử, mạn sử, vô minh sử, kiến sử, đấu tranh, tang tật, siểm ninh, lừa bịp, nói dối, nói hai lưỡi và vô lượng pháp ác, bát thiện khác đêu dứt tận; đó gọi là dứt tận sự khô. Này chư Hiền, loại trừ con mắt, loại trừ sắc, loại trừ nhãn thức mà có xúc, . . 5 2 -r e : mà giả thiêt có xúc thì điêu này không thê có. Nêu không giả thiêt xúc mà có cảm thọ, giả thiết có cảm thọ thì điều này không thể có. Nếu không giả thiết cảm thọ mà có giả thiết suy niệm, rồi xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng thì điều này không thể có. Với tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy. Loại trừ ý9 loại trừ pháp, loại trừ ý thức mà có xúc, giả thiết có xúc thì điều này không thể có. Nếu không giả thiết xúc mà có thọ, giả thiết có thọ thì điều này không thể có. Nếu không giả thiết thọ mà giả thiết có suy niệm, rồi xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng thì điều này không thể có. Này chư Hiền, do con mắt, do sắc, do nhãn mà có xúc, giả thiết có xúc thì điều này có thật. Do giả thiết xúc mà có thọ, giả thiết có thọ thì điều này có thật. Do giả thiết thọ mà giả thiết có suy niệm, rồi xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng thì điều này có thật. Với tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy. Do ý, do pháp, do ý thức mà có xúc, chủ trương có xúc thì điều này có thật. Do chủ trương xúc mà có cảm thọ, giả thiêt có cảm thọ thì điêu này có thật. Do giả thiết có cảm thọ mà giả thiết có suy niệm, rồi xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng thì điều này có thật. Này chư Hiền, đức Thế Tôn nói nghĩa này một cách vắn tắt, không phân biệt rộng rãi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tinh thất tĩnh tọa. Tỳ-kheo, nếu người do suy niệm mà xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, đối trước pháp hiện tại, quá khứ và vị lai không ái, không lạc, không đắm trước, không trụ; đó gọi là dứt tận sự khô. Dục sử, nhuê sử, hữu sử, mạn sử, vô minh sử, kiên SÍT, đâu tranh tang tật, siểm nịnh, lừa bịp, nói dối, nói hai lưỡi và vô lượng pháp ác, bất thiện khác cũng đoạn trừ; đó gọi là dứt tận sự khổ. Đức Thế Tôn nói nghĩa này một cách vắn tắt, không phân biệt rộng rãi. Tôi đã diễn rộng câu ấy, văn ấy như vậy. Này chư Hiền, chư Hiền có thể đi đến chỗ Phật, tường trình lại đầy đủ. Nếu đúng như nghĩa mà đức Thế Tôn muốn nói thì chư Hiền hãy nhận lãnh và ghi nhớ.

115. KINH MẬT HOÀN DỤ 633

Khi ấy, các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả Đại Ca-chiên-diên nói, khéo ghi nhớ5 tụng đọc, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Tôn giả Đại Ca-chiên- diên ba vòng, và đi đên chô Phật, cúi đâu đảnh lê, ngôi xuông một bên và bạch: -Bạch The Ton, vừa roi The Ton noi nghĩa nay mọt cách văn tát, không phân biệt rộng rãi, roi từ chô ngôi đứng dậy đi vào tịnh that nghỉ ngơi. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên đã đem những câu này, văn này mà diễn rộng ra. Đức Thế Tôn nghe xong, khen rằng: Lành thay, lành thay! Trong hàng đệ tử của Ta có vị là bậc có mắt, có trí, có pháp, có nghĩa. Vì sao? Vì khi Tôn sư nói nghĩa này cho đệ tử một cách van tắt, không phân biệt rộng rãi mà vị đệ tử kia đã diễn rộng ra những câu ấy, văn ấy. Đúng như những gì Tỳ-kheo Đại Ca-chiên-diên đã nói, các thầy hãy nên nhận lãnh rồi ghi nhớ như vậy. Vì sao? Vì nói và quán nghĩa phải như vậy. Này các Tỳ"kheo9 ví như có người nhờ đi đến chỗ rừng vắng, trong rừng sâu, giữa những cây cối, bỗng nhiên gặp được bánh mật, vị ấy ăn, thưởng thức vị ngọt; thiện

nam tử cũng giống như vậy, ở trong Pháp, Luật chân chánh này của Ta, tùy theo những gì được quán sát, vị ấy thưởng thức được vị ngọt của nó; quán sát con mắt, thưởng thức được vị ngọt; quán sát tai, mũi, lưỡi, thân, quán sát ý? thưởng thức được vị ngọt. Bấy giờ, Tôn giả A-nan đang cầm quạt hầu Thế Tôn. Tôn giả A-nan liền chắp tay hướng về Phật và bạch: r Bạch Thê Tôn, pháp này tên gọi là gì? Chúng con phải phụng trì như thế nào? Đức Thế Tôn dạy: Này A-nan, pháp này tên gọi là Mật Hoàn Dụ. Thầy hãy nên nhận lãnh và ghi nhớ! Khi ấy, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: —Các thầy hãy nhận lãnh pháp Mật Hoàn Dụ này, phải thường tụng đọc. Vì sao vậy? Này các Tỳ-kheo, pháp Mật Hoàn Dụ này có pháp, có nghĩa, là gốc của Phạm hạnh, dẫn đến trí thông, dẫn đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn. Nếu thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, song không gia đình, học đạo thì hãy nên khéo nhận lãnh, ghi nhớ pháp Mật Hoàn Dụ này. Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.